TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 03/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Minh Thân;

- Ông Nguyễn Tiến Chuyển;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 375/2023/TLST-HS ngày 27/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2023/QĐXXST-HS ngày 13/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2023/HSST-QĐ ngày 25/12/2023, đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Đức M; Sinh năm: 1983;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Ngô Đức N *(Đã chết);* Con bà: Nguyễn Thị C; Gia đình Bị cáo có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Lý Thị H *(Đã ly hôn);* Bị cáo có 02 con *(Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012);* Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội ;

Bị hại: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1986; Nơi đăng ký HKTT: Khối Đồng Tâm 2, phường H, thị xã T, tỉnh N; Địa chỉ nơi ở: Số 2, L, phường P, quận N, thành phố Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Thân Công L; Sinh năm: 1988; HKTT và nơi ở: Số 2, phường T, thành phố B, tỉnh B;

(Có mặt Bị cáo M;Vắng mặt Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngô Đức M và chị Nguyễn Thị H *(Sinh năm: 1986; HKTT: Khối Đ, phường H, thị xã T, tỉnh N; Nơi ở: Số 2, L, phường P, quận N, thành phố Hà Nội)* có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2021. Ngày 25/01/2022 (tức 25/12 âm lịch) biết chị H về quê nghỉ tết không sử dụng xe nên M đã hỏi mượn chị Hiền chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ, BKS: 37H1-627.95 và hứa trả xe cho chị H vào ngày 10/02/2022 *(tức ngày mồng 10/01 âm lịch).* Tin tưởng M nên H đồng ý và giao chiếc xe *(kèm đăng ký xe)* cho M vào chiều cùng ngày tại trước cửa nhà số 27 nghách 8/11/36 Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội để M sử dụng. Đến ngày 10/02/2022, chị H gọi điện thoại cho M yêu cầu trả xe nhưng M mặc dù có điều kiện trả xe nhưng do không có xe để làm phương tiện đi lại nên M tìm nhiều lý do như bận, đang đi làm… để không trả xe cho chị H như đã hứa hẹn. Từ ngày 10/02/2022 đến ngày 12/3/2022, chị H nhiều lần đòi M trả xe máy cho chị H nhưng M đều lấy lý do để không trả. Đến ngày 12/3/2023, do M cần tiền gấp để chi tiêu cá nhân và trả nợ nên M đã gọi cho bạn là anh Trần Văn B *(Sinh năm: 1985; HKTT: Thôn Chớp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang)* để vay 40.000.000 đồng nhưng anh Bình không có tiền nên M đã nhờ anh Bình tìm giúp người cho vay tiền trong vòng từ 7 ngày đến 10 ngày, khi vay tiền M sẽ để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ, BKS: 37H1-627.95 *(M nói dối là chiếc xe trên của vợ M để làm tin).* Anh Bình đồng ý và liên lạc với Anh Thân Công L *(Sinh năm: 1988; HKTT: Số 22 Lê Sát, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang)* thì anh L đồng ý cho M vay tiền với điều kiện anh Bình phải đảm bảo nếu M không trả được tiền thì anh Bình phải trả cho anh L . Chiều cùng ngày, anh Bình đưa M đến nhà anh L và vay của anh L số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay là từ 7 ngày đến 10 ngày. Để làm tin, M đã giao chiếc xe Honda SH BKS: 37H1-627.95 cho anh L quản lý *(không thỏa thuận lãi suất, cũng không lập giấy tờ gì, M nói khi trả tiền thì sẽ giải quyết, trả tiền lãi sau).* Anh L hỏi xe máy là của ai thì M nói là xe của vợ M, do M đang sử dụng. Anh L sau đó đã sử dụng tài khoản số 109561899999 tại Ngân hàng Viettinbank chuyển số tiền là 40.000.000 đồng vào tài khoản số: 0913189883 của M tại Ngân hàng MBBank, nội dung là *"mua xe SH 37h1 62795".* Số tiền này M đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 25/3/2022, anh B và anh L điện giục M trả tiền để lấy xe về nhưng M lấy lý do là không có tiền và xin khất, khi nào có tiền sẽ trả tiền và lấy xe về. Sau đó, do anh L cần tiền kinh doanh nên anh B giục M trả tiền cho anh L nhiều lần và cho M số điện thoại của anh L là số 0965041988 để liên lạc, M đã sử dụng sim điện thoại số 0913189883 gọi điện cho anh L để xin khất tiền, hứa sẽ trả tiền sớm cho anh L nhưng anh L không đồng ý mà yêu cầu M phải trả tiền gấp, nếu không trả tiền thì anh L phải bán xe để lấy tiền nên M bảo anh L cứ bán chiếc xe máy trên đi để lấy tiền trước, coi như là M trả tiền đã vay cho anh L .

Cùng thời gian này, chị H liên tục yêu cầu trả xe nhưng M vẫn lấy lý do bận công việc, không có thời gian trả xe cho chị H đồng thời trốn tránh, không gặp chị H để không phải trả xe cho chị H . Đến khoảng tháng 5/2022, do chị H vẫn liên tục đòi xe và nói sẽ đến tận nơi để lấy xe về nên M mới nói cho chị H biết việc M đã mang cắm chiếc xe máy trên cho anh L để vay số tiền là 40.000.000 đồng, chị H sau đó tiếp tục yêu cầu M phải lấy xe về trả cho chị H . Đến khoảng cuối tháng 9/2022, do chị H nói nếu xe bị bán đi thì chị H sẽ kiện nên M đã gọi điện thoại cho anh L hỏi xem đã bán xe chưa, thì anh L bảo chưa bán xe. Thấy vậy, M xin anh L là đừng bán xe và hứa sẽ trả anh L thêm 10.000.000 đồng tiền lãi. Do chị H tiếp tục đòi trả xe máy nên ngày 12/12/2022, M dẫn chị H lên Bắc Giang gặp anh Bình. Tại đây, anh B xác nhận là M cắm chiếc xe của chị H để nhận của anh L số tiền là 40.000.000 đồng, giờ muốn lấy xe thì cần đưa anh B số tiền là 50.000.000 đồng, M nhờ chị H trả giúp số tiền là 50.000.000 đồng để lấy xe về nhưng chị H không đồng ý, chị H sau đó đã liên lạc nhiều lần với M để yêu cầu lấy xe về trả nhưng M tìm cách né tránh nên ngày 03/01/2023, chị H đã đến Công an phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm để trình báo.

Ngày 11/10/2023, M đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đầu thú về hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị H. Tại Cơ quan điều tra, M khai nhận hành vi phạm tội của M như đã nêu trên.

Vật chứng tạm giữ do chị H giao nộp: 01 USB dữ liệu nội dung trao đổi giữa chị H ; Anh Trần Văn B giao nộp: 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ - đen, BKS: 37H1- 627.95; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 011858 mang tên bà Nguyễn Thị Nga;

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 40/KLĐGTS ngày 10/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội kết luận: "*01 xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đỏ - đen, BKS: 30H1 – 627.95, số khung: RLHJF730XGY117538, số máy: JF73E0117602, đăng ký lần đầu ngày 31/10/2018, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 55.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng)./.*"

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 470/QĐ-TCGĐ ngày 22/8/2023, đối với 01 file dữ liệu mang tên "Video 1.mp4", định dạng Mp4, kích thước là 13.645 Kb, thời lượng là 01 phút 50 giây được lưu trữ trong 01 USB mang nhãn hiệu Kingston, màu trắng, dung lượng 1Gb.

Tại Kết luận giám định số: 6221/KL-KTHS ngày 20/9/2023 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: *"Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong tệp video mẫu cần giám định; Nội dung hội thoại trong tệp video mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản."*

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ - đen, BKS: 30H1-627.95, quá trình điều tra xác định: Xe có số khung, số máy là số nguyên thủy, đăng ký xe mang tên bà Nguyễn Thị Nga *(Sinh năm: 1967; HKTT: Khối Tây Hồ 1, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, là mẹ ruột chị H).* Tại cơ quan điều tra, bà Nga khai mua xe năm 2018 cho chị H để làm phương tiện đi lại nhưng bà Nga đứng tên đăng ký xe. Ngày 30/3/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe máy nêu trên cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe máy cho chị Nguyễn Thị H. Ngày 19/10/2023, gia đình M đã bồi thường cho chị H số tiền 20.000.000 đồng thiệt hại trong khoảng thời gian M chiếm đoạt xe của chị H , chị H đã nhận bồi thường, không yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho M.

Đối với anh Trần Văn B và Anh Thân Công L, quá trình điều tra xác định khi cho M vay tiền và nhận đặt xe làm tin, anh B và anh L không biết là tài sản do M phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Ngày 15/10/2023, gia đình M đã hoàn trả anh L số tiền 40.000.000 đồng nên anh L không yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho M.

Quá trình điều tra, do hành vi chiếm đoạt tài sản của M tại địa bàn phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang nên ngày 16/5/2023 Cơ quan điều tra đã có Công văn số: 1414/CV gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang v/v: Trao đổi tiếp nhận thụ lý, điều tra, giải quyết vụ án. Tại Công văn số: 1485/CV-CQĐT ngày 01/6/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm tiếp tục điều tra xử lý đối với hành vi của Ngô Đức M.

Tại Cáo trạng số: 362/QĐ-VKS-NTL ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo Ngô Đức M về tội*: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

*"**Điều 175. Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới

4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;".

Tại phiên tòa: Bị cáo M thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của Bị cáo, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo về tội*:"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Ngô Đức M, đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo M về tội*:"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo M có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình Bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả cho Bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo M có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, không cần phải bắt Bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho Bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, giao Bị cáo về chính quyền địa phương, nơi Bị cáo cư trú để giám sát giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe Bị cáo và phòng ngừa

chung. Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo M từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 USB tại Bút lục số 154 trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Ngày 25/01/2022, tại trước cửa nhà số 27 nghách 8/11/36 Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Ngô Đức M đã hỏi mượn chiếc xe nhãn hiệu Honda SH 125i màu đỏ - đen, BKS: 37H1 - 627.95, cùng đăng ký xe *(Chủ xe: Nguyễn Thị Nga là mẹ chị H)* của chị Nguyễn Thị H và hẹn đến ngày 10/02/2022 sẽ trả lại xe. Đến thời hạn trả xe, mặc dù chị H liên tục đòi xe và M có điều kiện trả nhưng đã cố tình không trả lại tài sản cho chị H . Đến ngày 12/3/2023, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, M đã đem xe đến nhà Anh Thân Công L *(tại 22 Lê Sát, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang)* đặt làm tin để vay của anh L số tiền 40.000.000 đồng và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết và không có khả năng chuộc xe về trả cho chị H . Trị giá tài sản M chiếm đoạt của chị H là: 55.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng).*

Bị cáo khai nhận tội. Tài sản đã thu hồi trả lại Bị hại, gia đình Bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả cho Bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Hành vi nêu trên của Bị cáo Ngô Đức M đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo M về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo M là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo M phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra, nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo M có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội, Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Bị hại đã nhận lại tài sản, gia đình Bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả cho Bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, nên Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo M có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên căn cứ quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, cho Bị cáo được hưởng án treo, giao Bị cáo về chính quyền địa phương, nơi Bị cáo cư trú để giám sát giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách, Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe Bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo M từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng, là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Bị cáo M đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả cho Bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 USB tại Bút lục số 154 trong hồ sơ vụ án;

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Đức M phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Đức M 24** *(Hai mươi bốn)* **tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48** *(Bốn mươi tám)* **tháng kể từ ngày tuyên án.** Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Bị cáo, nếu Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo M cho Ủy ban nhân dân xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về án phí: Bị cáo M phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Gia đình Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

nhưng cho hưởng án treo, **thời gian thử thách 60** *(Sáu mươi)* **tháng,** kể từ ngày tuyên án. Giao Bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

.T QUYẾT ĐỊNH XÉT XỬ BỊ CÁO TẠI NGOẠI

PHẦN Ý KIẾN CỦA CÁC BỊ CÁO GHI:

Tôi đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ của tôi theo quy định tại Điều 61 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Tôi cam đoan có mặt tại phiên tòa theo đúng ngày, giờ ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án. Nếu tôi vắng mặt, Tòa án Quyết định

tạm giam hoặc xét xử vắng mặt, tội không thắc mắc, khiếu nại gì.

- Tôi không mời Người bào chữa.